

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM HỌC 2024-2025 (3- 4 TUỔI)**

(Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến ngày 23/5/2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm Non thân yêu (4 tuần)	- Vui tết trung thu	1	16-20/09/2024
		- Trường mầm non thân yêu	2	23- 27/ 09/2024
		- Lớp Mẫu giáo của bé	3	30/09-4/10/ 2024
		- Các hoạt động trong trường mầm non	4	07- 11/10/2024
2	Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	14 - 18/10/2024
		- Cơ thể bé	6	21 - 25/10/ 2024
		- Bé lớn lên từng ngày	7	28/- 01/ 11/2024
3	Gia đình (5 tuần)	- Ngôi nhà của bé	8	04– 08/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	11- 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo	10	18- 22/11/ 2024
		- Gia đình thân yêu của bé	11	25- 29/11/2024
		- Nhu cầu trong gia đình bé	12	02/12 - 06/12/2024
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4tuần)	- Bé yêu nghề nông nghiệp.	13	09- 13/12/2024
		- Cháu yêu chú bộ đội	14	16- 20/12/2024
		- Nghề thợ xây	15	23 - 27/12/2024
		- Nghề bác sỹ	16	30/12 -03/01/2025
5	Tết trên quê em và Thế giới thực vật - (4 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống	17	06-10/01/2025
		- Một số loại rau – củ	18	13-17/01/2025
		- Tết và mùa xuân	19	20-24/01/2025
		-Nghỉ tết âm lịch		27/-31/01/2025
		- Một số loại Hoa – quả	20	03/02 - 07/02/2025
6	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	21	10-14/02/2025
		- Động vật sống dưới nước	22	17-21/02/2025
		-Động vật sống trong rừng	23	24-28/02/2025
		- Ngày vui 8/3	24	02/03-07/03/2025
		- Côn trùng và một số loài chim	25	10/03-14/03/2025
7	Bé tìm hiểu	- PT và QĐGT đường bộ.	26	17- 21/03/2025

	phương tiện và QĐGT (3 tuần)	-PT và QĐGT đường không	27	24- 28/03/2025
		-PT và QĐGT đường thủy	28	31/3 - 04/04/2025
8	Một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	07- 11/04/2025
		- Các hiện tượng tự nhiên	30	14- 18/04/ 2025
		- Thứ tự các mùa trong năm	31	21- 25/04/2025
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (4 tuần)	- Diễn Lộc quê hương em	32	28/04- 02/05/ 2025
		- Diễn châu mến yêu	33	05 – 09/05/ 2025
		-Bác Hồ Kính yêu	34	12 – 16/05/ 2025
		- Du lịch nghệ An.	35	19 – 23/05/ 2025
Tổng :		35 tuần		

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

PHẦN A KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Mục tiêu:

+ Tổ chức bữa ăn:

- Nhằm đảm bảo dinh dưỡng theo nhu cầu khuyến nghị, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Nhằm giáo dục, hình thành các kỹ năng trong ăn uống và giúp trẻ hiểu biết về các loại thực phẩm, các món ăn được chế biến thông thường.

+ Tổ chức giấc ngủ:

- Nhằm đáp ứng nhu cầu hết sức tự nhiên và hết sức cần thiết của trẻ
- Tổ chức giấc ngủ tốt nhằm giảm bớt sự mệt nhọc do sự hoạt động trong suốt thời gian từ sáng đến trưa đồng thời khôi phục lại tinh thần sức lực cho trẻ.

+ Tổ chức vệ sinh:

- Nhằm giúp trẻ loại bỏ vi khuẩn và các yếu tố làm ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ đồng thời tạo được thói quen rửa tay, lau mặt, giữ gìn vệ sinh cơ thể luôn được sạch sẽ.
- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường, vứt rác đúng nơi quy định

+ Chăm sóc sức khỏe:

- Nhằm phát hiện kịp thời sức khỏe của trẻ để có biện pháp phù hợp và đạt hiệu quả giúp trẻ phát triển một cách cân đối.
- Nhà trường có biện pháp phòng bệnh và ngăn ngừa các loại dịch bệnh làm lây lan trong trường học
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Chuẩn bị:

- Nhà trường cần chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật dụng, con người nhằm đáp ứng những mục tiêu trên.

3. Nội dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn	<i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.	- Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng	

	- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. <i>* Lượng thực phẩm:</i> - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, đường, muối khoáng . <i>* Nước uống:</i> - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). - Nước uống cần đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín hoặc nước tinh khiết. Mỗi trẻ có cốc riêng, có kí hiệu riêng từng trẻ. Mùa đông cần ủ nước cho ấm. - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày, hướng dẫn trẻ tự lấy cốc uống nước, uống xong úp cốc đúng nơi quy định. Không để trẻ quá khát mới uống hoặc uống một lần quá nhiều. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. b. Chăm sóc bữa ăn - <i>Trước khi ăn:</i> + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn (4-6 trẻ một nhóm)	- Giáo viên và trẻ	
--	---	---------------------------	--

	+ Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi, giấy - Trong khi ăn: + Giáo viên cần vui vẻ, nói năng dịu dàng, tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi ăn. Động viên, khuyến khích trẻ ăn hết suất, kết hợp GD dinh dưỡng, hành vi VS văn minh trong ăn uống. + GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy. Nếu thấy trẻ ăn chậm cần tìm hiểu nguyên nhân để báo cho nhà bếp hoặc y tế hay cho bà mẹ biết để chủ động chăm sóc trẻ tốt hơn. Có biện pháp phòng tránh trẻ hóc, sặc trong khi ăn. + Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống (Không nói chuyện khi ăn, không dùng tay bốc thức ăn, hắt hơi biết lấy tay che miệng, lấy bát cơm bằng 2 tay...) - Sau khi ăn: +Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ .		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	a. Trước khi trẻ ngủ: +Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức	Giáo viên	

		trước cô cho trẻ dậy trước. +Cô cho trẻ đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.		
3.3. chức sinh	Tổ vệ	a. Vệ sinh cô: + Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo b. Vệ sinh cá nhân trẻ +Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng, dụng cụ đựng khăn.. +Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN: -Hướng dẫn trẻ rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi tay và mặt khi bị bẩn theo đúng qui trình, trẻ tự đánh răng bằng bàn chải cá nhân riêng. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau. b) Vệ sinh môi trường: +Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Một số đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn uống, vệ sinh tại nhóm lớp cần theo quy định: Mỗi trẻ có cốc, bát, thìa, khăn mặt riêng, đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sấy hoặc được phơi ngoài ánh nắng. - Hằng tuần giặt khăn 1 lần bằng nước sôi muối - Bình, thùng đựng nước phải có nắp đậy, được vệ sinh hàng ngày, để nơi sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Nước không uống hết sau một ngày phải đổ đi. Tuyệt đối không để trẻ thò tay hoặc uống trực tiếp vào bình đựng nước - Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ tránh để bụi bẩn - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại. - Đồ chơi phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn khi cho trẻ chơi. Hằng tuần vệ sinh đồ chơi ít nhất 01 lần. + Vệ sinh phòng nhóm	Giáo viên Giáo viên và trẻ -Giáo viên	

	- Hằng ngày trước khi trẻ đến lớp, cô mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng học được thông thoáng. - Quét nhà thường xuyên khi phòng nhóm bẩn và sử dụng nước lau nhà để lau sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ và khô ráo. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi + Xử lý rác thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. + Giữ sạch nguồn nước: - Nguồn nước phải có nguồn nước sạch: nước tinh khiết đóng bình, nước máy để sử dụng ăn uống	-Giáo viên	
3.4.Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a) Chăm sóc sức khỏe + Khám sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa: -Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trạm y tế xã để sức khỏe định kỳ và khám chuyên khoa cho trẻ nhằm phát hiện sớm những căn bệnh để có biện pháp can thiệp kịp thời. + Để theo dõi phát triển thể lực của trẻ qua biểu đồ : -Vào tháng 9 và tháng 12, tháng 3 trẻ được theo dõi cân nặng và đo chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 trên biểu đồ nhằm phát hiện những trẻ suy dinh thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + Tiêm chủng, phòng dịch - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có	-Y tế phối hợp với trạm y tế để thực hiện	

	nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. + Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lý và chăm sóc trẻ ốm tại trường. c. Bảo vệ an toàn và phòng một số bệnh thường gặp: * An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.	-Giáo viên phối hợp với phụ huynh Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
--	--	--	--

PHẦN B
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025
ĐỘ TUỔI 3 - 4 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
----------	----------

Lĩnh vực phát triển thể chất

* Dinh dưỡng, sức khỏe. MT 1. Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Trẻ trai + Cân nặng từ 12.9- 20.8kg + Chiều cao từ 94.4-111.5cm Trẻ gái: + Cân nặng từ 12.6-20.7 kg + Chiều cao từ 93.5-109.6cm	* Dinh dưỡng, sức khỏe. - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. - Tập các bài tập thể dục thường xuyên. - Cân, đo và khám sức khỏe định kỳ. - Có biện pháp phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT 2. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh khi được nhắc nhở.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.
MT 3. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa...)	- Nhận biết, nói đúng tên một số thực phẩm và món ăn quen thuộc: trứng rán, cá kho, thịt kho, canh rau, sữa...
MT 4. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh, ăn uống khi được nhắc nhở: (rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...)	- Một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh lau mặt, răng miệng, đội mũ khi ra nắng,... - Hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát.) - Dạy trẻ: Bỏ rác đúng nơi quy định. - Dạy trẻ: rửa tay bằng xà phòng, lau mặt. - Dạy trẻ: Cất đồ dùng cá nhân đúng chỗ. - Dạy trẻ: Gấp tất, gấp quần áo. - Dạy trẻ: Đi, tháo, cởi, cất tất, đi giày, dép. - Dạy trẻ: sử dụng kéo, cài áo, cởi cúc áo
MT 5. Trẻ nhận ra và phòng, tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm, không an toàn đến tính mạng khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp.	- Dạy trẻ không chơi những nơi nguy hiểm: ao hồ, sông suối, bể nước... - Dạy trẻ phòng tránh các vật dụng dẫn điện: ổ điện, bàn là, bếp lửa, phích nước sôi,... - Dạy trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can. - Dạy trẻ đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. - Dạy trẻ nhận biết và tránh xa những con vật

	hung dữ, nguy hiểm. - Dạy trẻ không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ, phòng tránh bắt cóc. - Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị chảy máu, khi bị lạc, khi bị té ngã đau,...
MT 6. Trẻ giữ thăng bằng và kiểm soát được các vận động khi đi và chạy (đi/chạy) thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm) không lệch ra ngoài Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong vận động: Bật/ nhảy	Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản Đi và chạy - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi/chạy thay đổi hướng theo đường đích zắc. - Đi trong đường hẹp. - Chạy theo hướng thẳng 15 m Bật, nhảy, bước - Bật tại chỗ - Bật về phía trước. - Bật xa 25 cm - Bước lên, bật xuống bậc cao 30 cm
MT 7. Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động: bò, trườn, trèo	Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản Bò, trườn, trèo: - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. - Bò, trườn chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp.
MT 8. Trẻ Phối hợp tay-mắt trong vận động: thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tung, ném, bắt, chuyền và bài tập tổng hợp	Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản Tung, ném, bắt, chuyền - Tung, bắt bóng với cô bằng 2 tay - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Đập, bắt bóng với cô bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay, Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang xa 1,5m-chạy 10m - Chuyền bắt bóng 2 bên hàng ngang.
MT 9. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động (vẽ, cắt, xé, dán, gập, xếp chồng,...)	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ, Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy, Sử dụng kéo, bút. Tô vẽ nguệch ngoạc. Tự cài, cởi cúc.Đan, tết. - Gập, đan, xoay các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
MT 10 Trẻ nhận biết tên, tuổi, giới tính, đặc điểm nổi bật của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	- Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân. Bé giới thiệu về mình - Chức năng của các giác quan và một số bộ

	phân khác của cơ thể; nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. Cơ thể bé.
MT11. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật - Trẻ kể tên một số lễ hội: qua trò chuyện, tranh ảnh. - Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện -Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. -Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	-Trẻ biết thu thập thông tin qua xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng qua sự hướng dẫn của cô giáo. - Hoạt động ngày lễ hội, trải nghiệm: + Ngày hội bé đến trường, khai giảng năm học. + Ngày tết trung thu. + Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo. (20/10; 20/11; 8/3) + Ngày tết của chú bộ đội. (22/12; 30/4) + Ngày tết quê em, Lễ hội mừng xuân. + Ngày sinh nhật Bác hồ. + Ngày tết thiếu nhi 1/6. -Tên gọi, dụng cụ, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến: + Nghề cô giáo + Nghề trồng trọt + Nghề xây dựng + Nghề chăm sóc sức khỏe + Chú bộ đội bé yêu - Nhận biết đặc điểm nổi bật về quê hương Diên Lộc (Đền Thần, Rú Mạ), Diên Châu, Nghệ An với những địa danh: Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Hương, Sông Bùn, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, Quảng Trường Hồ Chí Minh....Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh... - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...
MT 12. Trẻ nhận biết được đặc điểm nổi bật và lợi ích của một số loại cây, hoa, quả, con vật quen thuộc. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Sử dụng các giác quan để quan sát, xem xét, tìm hiểu đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, củ, quả quen thuộc: + Động vật trong gia đình + Động vật dưới nước + Động vật trong rừng + Em yêu cây xanh + Một số loại rau + Một số loại hoa + Một số loại quả

MT13. Trẻ nhận biết gọi tên, đặc điểm, cấu tạo, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy....
MT14. Trẻ nhận biết được một số hiện sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh gần gũi, quen thuộc, thích tìm hiểu khám phá đồ vật và hay đặt các câu hỏi ai đây?, cái gì đây?.	- Trẻ quan tâm, hứng thú, trải nghiệm với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về đối tượng. - Bé biết gì về nước - Mùa hè của em. Một số nguồn ánh sáng, ban ngày, đêm, vì sao, mặt trời, mặt trăng,... trong sinh hoạt hàng ngày. - Quan sát một số hiện tượng nắng, mưa, lũ lụt, bão, gió, nóng, lạnh, cầu vồng và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. + Trải nghiệm với đất, cát, sỏi, đá, nước,...
<i>*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i> MT 15. Trẻ đếm được trong phạm vi 5. Biết so sánh số lượng giữa 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5. - Dạy trẻ nhận biết số lượng 1– nhiều - Đếm đến 2, tạo nhóm có số lượng 2 (số 2 tiết 1) - Đếm đến 3, tạo nhóm có số lượng 3 (số 3 tiết 1) - Đếm đến 4, tạo nhóm có số lượng 4 (số 4 tiết 1) - Đếm đến 5, tạo nhóm có số lượng 5 (số 5 tiết 1) - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 2 (số 2 tiết 2) - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 3 (số 3 tiết 2) - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 4 (số 4 tiết 2) - Dạy trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém nhau trong phạm vi 5 (số 5 tiết 2)
MT 16. Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5	-Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm, tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn: + Tách/gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 2 (số 2 tiết 3) + Tách/gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (số 3 tiết 3) + Tách/gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (số 4 tiết 3) + Tách/gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (số 5 tiết 3) -So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.

MT 17. Trẻ nhận dạng, gọi đúng tên được các hình (tròn, vuông, tam giác, chữ nhật)	- Nhận biết, phân biệt: Hình vuông - hình tròn. - Nhận biết, phân biệt: Hình tam giác - hình chữ nhật; - Ghép giống hình ban đầu (Ôn 4 hình).
MT 18. Trẻ nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng (to hơn, nhỏ hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau)	- Dạy trẻ so sánh sự khác biệt về độ lớn của 2 đối tượng (to-nhỏ) - Dạy trẻ so sánh sự khác biệt về chiều cao của 2 đối tượng - Dạy trẻ so sánh sự khác biệt về chiều dài của 2 đối tượng - Dạy trẻ so sánh sự khác biệt về chiều rộng của 2 đối tượng
MT 19. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. - Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. Xếp tương ứng	- Nhận biết tay phải, trái của bản thân - Phân biệt phía trên- phía dưới; phía trước- phía sau của bản thân. - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản: + Xếp xen kẽ. Xếp tương ứng. Xếp chồng. Xếp cạnh.
MT 20. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình, tên trường lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng về lớp học, trường mầm non	- Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. + Trường mầm non Diễm Lộc thân yêu. + Lớp mẫu giáo của bé. + Các hoạt động trong trường mầm non. + Đồ dùng, đồ chơi của của lớp. + Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. + Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. + Gia đình thân yêu của bé
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT21. Trẻ hiểu được lời nói lắng nghe và trả lời được câu hỏi trong giao tiếp đơn giản với người đối thoại. - Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... - Trẻ nhận biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Nói, trả lời câu hỏi và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: Giữa cô - trẻ; Trẻ -Trẻ - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe, hiểu, trả lời một số câu hỏi của người khác, nội dung các câu đơn, câu ghép. - Diễn đạt nhu cầu, mong muốn, tình cảm để người khác hiểu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. - Kể lại chuyện dựa theo câu hỏi, kể lại sự việc

	nếu: đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim, đi công viên, đi siêu thị... - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 22. Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Quan sát thời tiết, cây cối. - Chăm sóc cây, tưới cây, lau lá cây, nhổ cỏ, trồng ươm cây.
MT23. Nói rõ tiếng, đủ nghe, biết sử dụng các từ “ Dạ, thưa, vâng ạ”...trong giao tiếp.	- Các từ “vâng ạ”, “dạ”, “thưa”, ... trong giao tiếp... - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi - Dạy trẻ lễ phép. Trả lời câu hỏi của người lớn; khi nói chuyện với người lớn tuổi. - Phát âm các tiếng của tiếng Việt; Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong các hoàn cảnh cụ thể: khi đồng ý làm theo yêu cầu.
MT 24. Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	* Trường Mầm Non: Gà tơ đi học (Cầm Linh); Bàn chải đánh răng (Thúy Hà), Vì sao bé Huy nín khóc (Phương Dung); Ai tài giỏi hơn; Quà trung thu, Đôi bạn tốt, món quà của cô giáo (Tú Anh), *Bản thân Cậu bé mũi dài(Lê Thu Hương), Mỗi người một việc (Lê Thị Thu Hương), Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên), Cái Mồm; Đôi tai tôi dài quá. *Gia đình Nhỏ củ cải(phỏng theo dân gian nga), Chiếc ấm sành nở hoa (Kim tuyến); Cháu ngoan Huỳnh Thị Cúc), Quà tặng mẹ (Thu Hằng) Bó hoa tươi thắm (Phạm Mai Chi). Thần sắt (Theo truyện cổ dân tộc thái); Người làm vườn và con trai (Thúy Toàn), Cô bé quàng khăn đỏ,... * Thế giới Động vật: Lợn và cừu; Cả nhà đều làm việc; Bác sĩ chim, Gà trống choai và hạt đậu(Suru tầm), Ba chú lợn nhỏ; Câu chuyện về chú xe ủ,Bác gấu đen và 2 chú thỏ(Dương Đình Huy), chú thỏ tinh khôn (Vũ Tú Nam), chú vịt xám (Thu Thủy), Rùa con tìm nhà (Thanh Mai), Giọng hát chim Sơn Ca

	(Thu Thủy), Ba con Gấu (Minh Trang), Cóc kiện trời (Theo truyện thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà (Thanh Mai), Chú vịt xám (Thu Thủy), Chuột, gà trống và mèo (Thúy Toàn dịch), Kể chuyện sáng tạo: * Ngành nghề: Chim và thợ may (Nguyễn Thị Lựu), chọn hạt giống (PGG\$ ĐT Hải châu- Đà Nẵng), cây rau của thỏ út (Phong Thu), tiệm cắt tóc của khỉ con (bằng Tử) *Thế giới Thực vật: Ngày tết của em, Chú đỗ con (Việt Linh); Hoa mào gà (Thùy Dương), sự tích hạt thóc(ST) *Quy định và Phương tiện Giao thông: Xe lu và xe ca (Phong Thu), Ai quan trọng hơn (Suu tầm), Xe đạp trên đường phố (Thu Hạnh); Ô tô con học bài, Chuyện qua đường (T-H), Thỏ con đi học (Đỗ Ngọc Anh), * Nước và Hiện Tượng tự nhiên: Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương), Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Biển, sông và suối (Thúy Toàn dịch); Cóc kiện trời; Cô con út của ông mặt trời Đám mây xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh), sự tích ngày và đêm, Niềm vui bất ngờ, * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ Khen các cháu (Đào Đức-Son Liên); Ai ngoan sẽ được thưởng (Tuyết Phương-Thanh Tú kể); Kể chuyện sáng tạo
MT 25. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện. Nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh).	-Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT26. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, hò, vè.	* Trường Mầm Non: Cô giáo của con (Hà Quang), Bạn mới (Nguyệt Mai), Trăng sáng (Nhược Thủy và Phương Hoa), Mẹ và Cô (Trần Quốc Toàn) *Bản Thân: Tay ngoan, Miệng xinh (Phạm Hồ), Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ), Sáo học nói (Mai Ngọc Uyển) *Gia đình:

	Thăm nhà bà (Nhu Mạo), Chiếc quạt nan (Xuân Cầu), Gió từ tay mẹ (Vương trọng), Mẹ và cô (Trần Quốc Toản) Ngành nghề: Làm nghề như bố, Hươu cao cổ (Định Hải), Em làm Thợ xây (Hoàng Dân), Chú giải phóng quân (Cầm Thơ), Các cô thợ (Ngọc Thi), Làm học sic dễ thôi (Tùng Bách) *Thế giới Thực vật: Cây dây leo (Xuân tửu), Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Hoa mào gà (Thanh Hà), Bắp cải xanh (Phạm Hồ), Củ cà rốt (Phạm Hồ), Quà mừng 8-3, Bó hoa tặng cô. *Thế giới Động vật: Rong và cá (Phạm Hồ), Đàn gà con (Phạm Hồ), Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng), Bờ tôi là vịt (Phạm Thái Quỳnh) *Quy định và Phương tiện Giao thông: Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải), Xe chữa cháy (Phạm Hồ), Xe đồ rác (sưu tầm), Giúp bà (Hoàng Thị Phương), Không vứt rác ra đường (Vũ Thị Minh Tâm) * Nước và Hiện Tượng tự nhiên: Mưa làm nũng (Nguyễn Trọng Hoàn), Gió (Đặng Hận), Nước (Vương Trọng), Bé yêu trắng (Lê Bình), Nắng ấm (Xuân Thu), Cầu Vòng (Phạm Hồ), Khi cơn bão đến, nắng thua em rồi(sưu tầm) * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn), Bé em tập nói (Trần Thị Nhật Tân), Quê em vùng biển, Làng em (Nguyễn Đức Hậu), Ai Dạy sớm (Võ Quảng), Ngôi nhà (Tô Hà). - Ca dao, đồng dao: Đi cầu đi quán ,gánh gánh gồng gồng ,dịch dịch dắc dắc , ông sảo ông sao, thả đĩa ba ba .
MT 27. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật theo tranh, thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	-Vẽ các nét đơn giản: Nét thẳng đứng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn... - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT 28. Trẻ nhận ra cảm xúc và biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh. Biết cầm sách, tự giở sách	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện: Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; Hướng viết của

xem tranh, thích nghe người khác đọc sách.	các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT 29. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và kính yêu Bác. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Bác Hồ của em. Hình ảnh Bác Hồ. - Bài thơ “Bác Hồ của em”. Chuyện “Quả táo của Bác Hồ”
MT 30. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao. Trẻ thích chơi cùng bạn, không tranh giành đồ chơi, chơi theo nhóm nhỏ.	- Xếp cát gói, xếp cát ghé, xếp khăn, chia giấy vẽ, xếp đồ chơi... - Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn
MT 31. Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình.	-Bỏ rác vào thùng rác có nắp đậy ở nơi công cộng, trong lớp học và gia đình.
MT 32. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và chú ý lắng nghe, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi; biết chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Trò chơi, hoạt động học, thực hiện bài tập, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân... - Cử chỉ lời nói lễ phép (Chào hỏi cảm ơn, xin lỗi...) Vâng lời bố mẹ, cô giáo. - Bé là ai? - Cơ thể của bé. - Nói được điều bé thích, không thích
MT 33. Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc, bộc lộ cảm xúc qua tác phẩm nghệ thuật gần gũi.	- Trường MN: Đi học (Bùi đình Thảo), Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện), Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường), Chiếc Đèn ông sao (Phạm Tuyên) - Bản thân: Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), Thật đáng chê (Việt Anh), Năm tay thân thiết (Nhạc: Hàn Quốc), Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn), Cho Con (Phạm Trọng Cầu). - Gia đình: Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên-thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ), Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Cho Con (Phạm Trọng Cầu), Chỉ có một trên đời (Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên xô), Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường), Cô giáo miền xuôi. - Nghành nghề: Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Đi Cây (Dân ca thanh hóa) -Thế giới Động vật: Bắc kim thang (Dân ca nam bộ), Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích), Con Chim Vành khuyên

	(Hoàng Vân), chim bay (dân ca liên khu V), Chim chích bông (Nhạc: Văn Dung, Lời: Nguyễn Viết Bình), con Cò (xuân Giao), Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn) -Thế giới Thực vật: Lý cây bông(Dân ca nam bộ), Mùa xuân cô nuôi dạy trẻ ,Hoa thơm bướm lượn. Hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hóa), Mùa xuân đến rồi(Phạm Thị Sửu), Mùa Xuân ơi(Nguyễn ngọc thiện), Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yên) Qùa mừng 8/3(Hoàng Long), ngày vui 8/3. - Quy định và Phương tiện Giao thông: Đi trên vỉa hè (Nguyễn Thị Thanh), Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn), Anh phi công ơi (Xuân giao, Xuân Quỳnh) - Nước và Hiện tượng tự nhiên: Mưa rơi (Dân ca xá), Mưa bóng mây, Bé và trăng (Bùi Anh Tôn), Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà) - Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ: Mưa rơi (Dân ca xá), Ánh trăng hòa bình (Hò Bắc), Từ rừng xanh về thăm lăng Bác (Hoàng Long-Hoàng Lân), Em như chim bồ câu trắng (Trần Ngọc), Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng), Em nhớ tây Nguyên (Văn Tấn-Trần Qung Huy)
MT 34 Trẻ thích hát, hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc; biết hát kết hợp vận động đơn giản nhún nhảy, giậm chân, vỗ tay.	*Trường mầm non: Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên), Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn), Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên), Vui đến trường (Hò Bắc), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), Cái Mũi, Xòe bàn tay nắm ngón tay (Minh Quân), Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo), Nào chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền), Đường và chân (Hoàng long- Xuân Tửu) * Gia đình: Chiếc Khăn Tay (Văn Tấn), Đi học về (Hoàng Long–Hoàng Lân), Nhà của tôi (Thu Hiền), Cô và mẹ (Phạm Tuyên), Cả nhà thương nhau (Phạm tuyên), Cháu yêu Bà (Xuân Giao), * Nghề nghiệp: Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yên),

	Cháu thương chú bộ đội, Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu) * Thế giới Động vật: Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu), Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh), voi làm xiếc (Phan Hiền), Cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải) * Thế giới Thực vật: Lý cây xanh (Dân ca nam bộ), Cây bắp cải (Thu Hồng), sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Mùa hoa (Hồng Đăng), Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu-Hoàng Thị Lộc), Bông hoa mừng cô. * Quy định và Phương tiện Giao thông: Đường em đi (Ngô Quốc Tính), Đèn xanh đèn đỏ (Lương Vĩnh), em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến), Đoàn tàu nhỏ xúi (Mộng Lân), * Nước và hiện tự nhiên: Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai), Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền) * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ: Em bé tập nói (Hoàng Long), Hòa bình cho bé (Huy Trân), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Đi thăm thủ đô (Bùi Anh Tôn).
MT35. Trẻ biết sử dụng màu sắc, đường nét, hình dạng tạo ra sản phẩm đơn giản, tô, vẽ, xé, cắt dán tạo thành sản phẩm; biết giữ gìn sản phẩm.	- Tô màu đu quay - Tô màu chùm bóng bay - Tô màu đèn lồng. - Tô màu mũ bé trai, bé gái. - Tô màu bức tranh gia đình - Tô màu ngôi nhà của bé - Tô màu hươu cao cổ. - Tô màu kính khí cầu - Tô màu dây cò. - Vẽ, tô màu bình hoa - Vẽ những cuộn len. - Vẽ, tô màu cây ăn quả,. - Vẽ, tô màu quả cà chua, bí xanh. - Vẽ những bông hoa bằng vân tay. - Vẽ, tô màu con gà con. - Vẽ, tô màu xe máy. - Vẽ, tô ô tô

	- Vẽ mưa, cây cỏ. - Tô màu sản phẩm nghề nông.. - Cắt dán con cá. - Xé dán tia nắng mặt trời. - Xé dán đuôi điều
MT 36. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt, làm lõm, đổ bột, bẻloe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết, biết xếp tạo sản phẩm.	+ Nặn bánh ngày tết. + Nặn các đồ vật, con vật, đồ chơi, hoa quả,... + Xếp nhà, xếp ghế, cầu, đường đi, hình người...
MT 37. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	-Trẻ thích thú vận động các bản nhạc theo ý thích của mình
MT 38. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Theo gợi ý của người lớn từ nguyên vật liệu thiên nhiên.	- Làm tranh, ĐDDC sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu(Len, ống nút..) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô
MT 39. Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính.	Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính
MT 40. Ngoại ngữ: Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi	Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi

Diễn Lộc, ngày 20 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Dung

HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Hà